TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2023
V/v tranh chấp: *"Ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn và nuôi dưỡng con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: chị **Lê Ngọc L, sinh năm 1987

HKTT: ấp Đông Thắng, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Tạm trú: 467/9 Đại Lộ Bình Dương, khu 1, P. Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn*: anh **Huỳnh Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Thắng, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Ngọc L trình bày:

Chị và anh T tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2001 (có đăng ký kết hôn theo luật định tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Bình ngày 03/11/2008). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp nhau mọi phương diện, mỗi người có lối sống riêng, chị và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2021, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: chị và anh T có 05 con chung: Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 21/7/2001 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Hồng T, sinh ngày 27/10/2006; Huỳnh Thị Diễm K, sinh ngày 11/4/2009; Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/10/2012 và Huỳnh Duy K1, sinh ngày 26/02/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Hồng T và cháu Kim N1, giao cháu Diễm K và cháu Duy K1 cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Huỳnh Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: chị Lê Ngọc L và anh Huỳnh Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định. Theo lời trình bày của chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho vợ con, kinh tế gia đình do chị một mình gánh vác, chị đã cố gắng duy trì hôn nhân nhưng không đạt kết quả, chị và anh T đã sống ly thân 5 năm nay. Xét thấy, trong thời gian Toà án giải quyết, anh T vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn, cả hai không có động thái hàn gắn hôn nhân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích

hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu được ly hôn của chị L là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo chị L trình bày, chị và anh T có 05 con chung là Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 21/7/2001 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Hồng T1, sinh ngày 27/10/2006; Huỳnh Thị Diễm K, sinh ngày 11/4/2009; Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/10/2012 và Huỳnh Duy K1, sinh ngày 26/02/2018. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu Hồng T1 và cháu Kim N1, giao cháu Diễm K và cháu Duy K1 cho anh T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị L là phù hợp với nguyện vọng con chung nên chấp nhận. Về cấp dưỡng, chị L và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Ngọc L được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Hồng T1, sinh ngày 27/10/2006 và Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày 26/10/2012 cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Huỳnh Thị Diễm K, sinh ngày 11/4/2009 và Huỳnh Duy K1, sinh ngày 26/02/2018 cho anh T nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị L và anh T, không ai có quyền cản trở chị L và anh T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: chị Lê Ngọc L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005689 ngày 14/10/2022 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc